

QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN TIẾP CẬN TRI THỨC TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM: XUNG ĐỘT PHÁP LÝ VÀ GỢI MỞ GIẢI PHÁP

NGUYỄN VĂN ĐẠO^(*)

Ngày nhận bài: 08/4/2025 Ngày thẩm định: 20/4/2025 Ngày duyệt đăng: 20/6/2025

Tóm tắt: Xung đột pháp luật giữa quyền tác giả và quyền tiếp cận tri thức trong môi trường giáo dục đại học đang trở thành vấn đề pháp lý và quản lý phức tạp tại Việt Nam. Ba nhóm vấn đề nổi bật bao gồm: tranh chấp quyền sở hữu tài liệu giảng dạy và nghiên cứu giữa giảng viên và nhà trường; mâu thuẫn giữa bảo hộ quyền tác giả và việc khai thác thư viện số; rào cản trong tiếp cận dữ liệu nghiên cứu khoa học do ràng buộc quyền sở hữu và quy định bảo mật. Những bất cập trong hệ thống pháp luật hiện hành đang ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của giảng viên, đồng thời làm giảm hiệu quả phổ biến tri thức trong môi trường số hóa. Việc thiết lập khung pháp lý đồng bộ, thúc đẩy mô hình cấp phép mở, hoàn thiện chính sách truy cập mở đối với nghiên cứu và ứng dụng công nghệ để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là những hướng đi cần thiết nhằm dung hòa quyền sáng tạo cá nhân với quyền tiếp cận tri thức của cộng đồng học thuật.

Từ khóa: giáo dục đại học; học liệu số; quyền tác giả; thư viện số; xung đột pháp luật

1 Đặt vấn đề
Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyên đổi số, tri thức trở thành yếu tố cốt lõi thúc đẩy phát triển giáo dục và khoa học. Việc chia sẻ, tiếp cận và khai thác hiệu quả các nguồn tài liệu học thuật là yêu cầu tất yếu đối với các cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên, cùng với nhu cầu đó là các

rào cản pháp lý phát sinh từ xung đột pháp luật giữa quyền tác giả và quyền tiếp cận thông tin, đặc biệt trong bối cảnh số hóa học liệu, xây dựng thư viện số hay lưu trữ bài giảng trên các hệ thống quản lý học tập nội bộ (LMS - Learning Management System). Sự chòng chéo giữa các luật hiện hành và thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả khiến việc xác định quyền, nghĩa vụ và phạm vi khai thác hợp pháp trở nên phức tạp.

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị “về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật

^(*) TS, Trường Đại học Văn Lang

đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” đã xác định: công tác pháp luật phải “đổi mới căn bản”, “mở đường, khơi thông mọi nguồn lực”, và “tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển nhanh và bền vững”⁽¹⁾. Đặc biệt, Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu tháo gỡ điểm nghẽn thể chế, xây dựng khuôn khổ pháp lý cho các lĩnh vực mới, như khoa học, công nghệ và chuyển đổi số (những trụ cột trực tiếp gắn với hoạt động giáo dục đại học hiện nay).

Trên cơ sở đó, việc phân tích các xung đột pháp luật điển hình giữa quyền tác giả và quyền tiếp cận tri thức, đề xuất các giải pháp cân bằng là nhiệm vụ cấp thiết nhằm góp phần hoàn thiện thể chế pháp lý, nâng cao hiệu quả quản trị đại học và thúc đẩy môi trường học thuật mở, công bằng và bền vững.

2. Xung đột pháp luật giữa quyền tác giả và quyền tiếp cận tri thức trong giáo dục đại học Việt Nam

Thứ nhất, bất cập trong xác định quyền sở hữu tài liệu giảng dạy và nghiên cứu giữa giảng viên và nhà trường

Một trong những xung đột pháp lý phổ biến nhất trong giáo dục đại học là tranh chấp về quyền sở hữu đối với tài liệu giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên. Dù giảng viên là người trực tiếp tạo ra giáo trình, bài giảng và công trình khoa học, nhưng trong nhiều trường hợp, nhà trường lại yêu cầu kiểm soát hoặc khai thác các tài liệu này như một phần tài sản chung của cơ sở giáo dục. Điều này dẫn đến nhiều mâu thuẫn giữa quyền tác giả cá nhân và quyền quản lý của tổ chức, trong khi khung pháp lý hiện hành vẫn chưa đưa ra quy định cụ thể và nhất quán để giải quyết xung đột này.

Theo Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm các năm 2009, 2019 và 2022) (sau đây gọi tắt là Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi), giáo trình, bài giảng, nghiên cứu khoa học là tác phẩm được bảo hộ

quyền tác giả ngay khi thể hiện dưới hình thức vật chất, bất kể công bố hay chưa⁽²⁾. Giảng viên có quyền nhân thân, bao gồm đứng tên và bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm. Tuy nhiên, theo Điều 39 Luật này, nếu tác phẩm được tạo ra theo nhiệm vụ hoặc hợp đồng lao động, quyền tài sản sẽ thuộc về tổ chức giao nhiệm vụ, trừ khi có thỏa thuận khác⁽³⁾. Các quy định này dẫn đến tranh cãi về việc giảng viên sử dụng nguồn lực của trường để biên soạn liệu có mất quyền sở hữu tài sản hay không.

Tại một số trường đại học, nhà trường mặc định yêu cầu giảng viên cung cấp bài giảng, giáo trình để đưa vào hệ thống học tập nội bộ hoặc sử dụng cho các thể hệ sinh viên sau mà không cần sự đồng ý của tác giả. Trong nhiều trường hợp, giảng viên không có quyền quyết định việc ai có thể truy cập tài liệu của họ, hoặc liệu nhà trường có thể tiếp tục sử dụng tài liệu sau khi giảng viên nghỉ việc hay không. Một số giảng viên phát hiện bài giảng vẫn bị khai thác khi họ đã rời trường, nhưng lại không có cơ chế pháp lý rõ ràng để yêu cầu chấm dứt. Vấn đề càng trở nên rắc rối khi nhà trường không ký hợp đồng hoặc quy định cụ thể về quyền tài sản.

Ngoài giáo trình, quyền sở hữu đối với các công trình nghiên cứu khoa học cũng gây ra nhiều tranh cãi. Điều 41 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 quy định kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước thuộc quyền sở hữu của nhà nước hoặc tổ chức chủ trì thực hiện nghiên cứu⁽⁴⁾. Điều này có nghĩa là nhiều công trình nghiên cứu do giảng viên thực hiện sẽ không thể công khai hoặc chia sẻ rộng rãi, dù có giá trị khoa học cao. Việc chưa có cơ chế linh hoạt để giảng viên được hưởng quyền lợi tương xứng với công sức nghiên cứu của mình đã làm giảm động lực sáng tạo và công bố kết quả khoa học. Một số trường còn có quy định yêu cầu giảng viên công bố nghiên cứu dưới

đanh nghĩa của nhà trường hoặc kiểm soát quyền chuyển giao công nghệ, gây ra mâu thuẫn khi giảng viên muốn bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình.

Ngoài ra, quyền sao chép tài liệu giảng dạy cũng gây ra xung đột. Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi cho phép sao chép tài liệu giảng dạy phục vụ mục đích nghiên cứu và lưu trữ trong thư viện mà không cần xin phép tác giả⁽⁵⁾. Tuy nhiên, Điều 22 Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan” lại giới hạn việc sao chép chỉ một bản duy nhất và không được phổ biến rộng rãi⁽⁶⁾. Trong bối cảnh học tập trực tuyến, sinh viên cần học liệu linh hoạt hơn, nhưng nhiều trường e ngại số hóa, vì lo ngại vi phạm quyền tác giả.

Thứ hai, mâu thuẫn giữa bảo hộ quyền tác giả và quyền khai thác tài nguyên thư viện số

Thư viện số đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến tri thức, hỗ trợ giáo dục và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, việc số hóa và cung cấp tài liệu số gặp nhiều rào cản pháp lý do mâu thuẫn giữa quyền tác giả và quyền khai thác tài nguyên thư viện.

Theo Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi⁽⁷⁾, tác giả có toàn quyền sao chép, phân phối và truyền đạt tác phẩm đến công chúng, bao gồm môi trường số. Vì vậy, nếu thư viện số hóa tài liệu mà không có sự cho phép của chủ sở hữu, hành vi đó có thể vi phạm bản quyền. Tuy nhiên, Điều 25 của Luật này lại có các quy định ngoại lệ, cho phép thư viện sao chép tác phẩm để lưu trữ, phục vụ nghiên cứu mà không cần xin phép, miễn là không ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường của tác phẩm và không gây phương hại đến lợi ích hợp pháp của tác giả⁽⁸⁾. Thực tế đó dẫn đến xung đột tiềm tàng giữa quyền lợi của các thư viện (vốn

có nhiệm vụ phổ biến tri thức) và quyền tài sản của chủ sở hữu tác phẩm. Nếu một thư viện số hóa tài liệu với số lượng lớn có thể làm giảm nhu cầu mua bản quyền tác phẩm, ảnh hưởng đến nguồn thu nhập của tác giả và các nhà xuất bản. Do đó, câu hỏi đặt ra là liệu thư viện có thể khai thác các tác phẩm số hóa này như thế nào mà không vi phạm lợi ích của tác giả?

Bên cạnh Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, Luật Thư viện năm 2019 cũng có những quy định liên quan đến thư viện số. Theo Điều 32 Luật Thư viện năm 2019, các thư viện được khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng thư viện số, số hóa tài liệu và cung cấp dịch vụ thư viện số⁽⁹⁾. Tuy nhiên, Luật Thư viện năm 2019 không đưa ra cơ chế cụ thể về việc số hóa và cung cấp tài liệu có bản quyền, cũng không làm rõ trách nhiệm pháp lý của thư viện khi số hóa tài liệu, mà chưa được sự cho phép của tác giả. Trong khi đó, Điều 5 Luật Công nghệ thông tin năm 2006 nêu rõ, Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nội dung số phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học⁽¹⁰⁾. Điều 8 Luật Giao dịch điện tử năm 2023 cũng khẳng định, dữ liệu có giá trị pháp lý tương đương với tài liệu giấy⁽¹¹⁾. Tuy nhiên, các luật vẫn thiếu quy định cụ thể về quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường thư viện số, nhằm xác định tính hợp pháp của các bản sao số và phạm vi khai thác mà không vi phạm quyền tác giả.

Ngoài ra, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân. Điều 3 của Luật quy định công dân có quyền tiếp cận thông tin, bao gồm thông tin lưu trữ trong thư viện⁽¹²⁾. Tuy nhiên, Luật không đưa ra cơ chế cụ thể để cân bằng giữa quyền tiếp cận thông tin và quyền tác giả. Điều này dẫn đến sự xung đột giữa quyền lợi của công dân trong việc tiếp cận tri thức và quyền tài sản của tác giả đối với tác phẩm của mình.

Thứ ba, hạn chế trong tiếp cận dữ liệu nghiên cứu khoa học và ràng buộc về quyền sở hữu

Tiếp cận dữ liệu nghiên cứu khoa học là một vấn đề quan trọng trong bối cảnh phát triển khoa học mở và chuyển đổi số, nhưng hiện nay vẫn chịu nhiều rào cản pháp lý.

Một trong những vướng mắc chính xuất phát từ việc xác định chủ sở hữu quyền tài sản đối với dữ liệu nghiên cứu. Theo Điều 41 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, tổ chức hoặc cá nhân đầu tư tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ là chủ sở hữu kết quả nghiên cứu, trừ khi có thỏa thuận khác⁽¹³⁾. Điều này khiến các nhà nghiên cứu, dù là tác giả trực tiếp, không nắm toàn quyền quyết định việc sử dụng hoặc công khai dữ liệu, mà phải tuân theo cơ chế quản lý của tổ chức chủ trì. Trong khi đó, Điều 42 của Luật chỉ công nhận họ là tác giả, không đồng nghĩa với quyền sở hữu tài sản nghiên cứu.

Tình trạng trên gây ra một nghịch lý: các nhà khoa học tạo ra tri thức nhưng lại không được phép chia sẻ kết quả nếu không có sự đồng ý từ đơn vị chủ quản. Điều này không chỉ hạn chế khả năng công bố kết quả nghiên cứu, mà còn làm suy giảm động lực sáng tạo, đặc biệt khi nhà trường kiểm soát cả quyền gắn tên đơn vị và quyền khai thác tài sản trí tuệ. Mặt khác, quyền tiếp cận dữ liệu nghiên cứu còn bị giới hạn bởi các quy định về bảo mật và thông tin thuộc sở hữu nhà nước. Theo Điều 6 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, công dân có quyền tiếp cận thông tin, nhưng những thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh hoặc có giới hạn khác theo pháp luật sẽ không được công khai⁽¹⁴⁾, kể cả khi nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước. Việc này càng làm giảm khả năng phổ biến tri thức trong môi trường học thuật.

Ngoài ra, các quy định hiện hành vẫn chưa thống nhất trong việc xử lý dữ liệu nghiên cứu đã được số hóa. Như phần trên đã đề cập, mặc dù Điều 25 Luật Sở hữu trí

tuệ sửa đổi cho phép thư viện có quyền sao chép tài liệu phục vụ nghiên cứu khoa học, nhưng quy định này chủ yếu áp dụng cho thư viện truyền thống với giới hạn một bản sao⁽¹⁵⁾. Khi áp dụng vào thư viện số, việc cung cấp dữ liệu nghiên cứu trực tuyến vẫn chưa được làm rõ về tính hợp pháp, dẫn đến nhiều cơ sở giáo dục lúng túng, thiếu nhất quán trong triển khai.

Một vấn đề quan trọng khác là thương mại hóa dữ liệu nghiên cứu khoa học. Hiện nay, nhiều tạp chí khoa học quốc tế và nền tảng dữ liệu lớn, như Elsevier, Springer, IEEE, áp dụng chính sách kiểm soát truy cập chặt chẽ, buộc người dùng phải trả phí để tiếp cận, kể cả với các công trình do chính họ thực hiện. Trong khi đó, Luật Giao dịch điện tử năm 2023 đã công nhận thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý tương đương tài liệu giấy⁽¹⁶⁾, nhưng chưa quy định cụ thể về quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường số. Nó làm dấy lên lo ngại về quyền kiểm soát dữ liệu khi tác giả chia sẻ tác phẩm qua các nền tảng trực tuyến, đặc biệt trong bối cảnh hệ thống xuất bản học thuật đang chuyển dần sang mô hình truy cập mở nhưng vẫn vướng rào cản pháp lý liên quan đến bản quyền và quyền sở hữu dữ liệu.

Ngoài ra, việc chia sẻ dữ liệu nghiên cứu còn bị hạn chế bởi các điều khoản bảo mật từ tổ chức tài trợ hoặc đơn vị chủ quản. Trong các nghiên cứu có sự tham gia của doanh nghiệp hoặc cơ quan nhà nước, dữ liệu thường thuộc về tổ chức và không được công khai. Hệ quả là nhiều công trình khoa học quan trọng không thể được chia sẻ rộng rãi nếu không có sự chấp thuận của tổ chức chủ quản, ngay cả khi chính nhà nghiên cứu muốn làm điều đó. Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành chưa làm rõ chủ thể nắm quyền kiểm soát dữ liệu sau khi được số hóa (là tác giả, tổ chức quản lý hay nền tảng lưu trữ) gây tâm lý dè dặt trong giới nghiên cứu, nhất là khi thiếu cơ chế bảo vệ hiệu quả trước nguy cơ sao chép và khai thác trái phép.

3. Giải pháp giải quyết xung đột pháp luật về quyền tác giả và quyền tiếp cận tri thức trong giáo dục đại học ở Việt Nam

Giải quyết xung đột pháp luật giữa quyền tác giả và quyền tiếp cận tri thức trong giáo dục đại học đòi hỏi cách tiếp cận đa chiều, bao gồm hoàn thiện khung pháp lý, điều chỉnh cơ chế quản lý nội bộ và ứng dụng công nghệ để bảo vệ quyền lợi của giảng viên, nhà trường và cộng đồng học thuật. Theo tinh thần đổi mới lập pháp được xác lập trong Nghị quyết số 66-NQ/TW, việc hoàn thiện thể chế phải bám sát thực tiễn, khơi thông các điểm nghẽn pháp lý và tạo hành lang pháp lý thúc đẩy đổi mới sáng tạo, trong đó có giáo dục và nghiên cứu khoa học. Hiện nay, các quy định về quyền sở hữu tài liệu giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tài nguyên thư viện số vẫn còn nhiều điểm chưa nhất quán, tạo ra rào cản đối với việc khai thác và phổ biến tri thức. Do đó, cần có các giải pháp toàn diện nhằm bảo đảm lợi ích của các bên liên quan mà vẫn thúc đẩy sự phát triển khoa học và giáo dục.

Một là, cần hoàn thiện hệ thống pháp luật để làm rõ ranh giới giữa quyền sở hữu và quyền khai thác tài sản trí tuệ trong giáo dục đại học

Hiện nay, Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi và Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 đã có những quy định về quyền tác giả và quyền sở hữu đối với tài liệu giảng dạy và nghiên cứu, nhưng vẫn thiếu cơ chế phân định rõ ràng giữa quyền của giảng viên và quyền của nhà trường trong từng hoàn cảnh cụ thể. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh nhiều trường đại học yêu cầu giảng viên cung cấp bài giảng, giáo trình cho hệ thống quản lý học tập nội bộ, trong khi không có hợp đồng hoặc thỏa thuận rõ ràng về quyền kiểm soát và phân phối nội dung.

Một hướng đi khả thi là áp dụng mô hình quyền sở hữu linh hoạt: giảng viên giữ quyền tài sản đối với nghiên cứu độc lập, còn

đối với nghiên cứu hoặc học liệu được thực hiện với sự hỗ trợ của nhà trường, cần có cơ chế chia sẻ quyền và lợi nhuận minh bạch, dựa theo nguyên tắc tại Điều 43 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013⁽¹⁷⁾. Đồng thời, cần sửa đổi, bổ sung Điều 39 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi theo hướng quy định rõ tiêu chí phân biệt giữa tài sản trí tuệ do giảng viên tự tạo và tài sản hình thành từ nhiệm vụ được giao hoặc có sử dụng nguồn lực công. Bên cạnh đó, cần bổ sung quy định về việc cấp phép sử dụng bài giảng trong phạm vi nội bộ mà vẫn bảo đảm quyền kiểm soát của giảng viên, tránh tình trạng bài giảng bị khai thác trái phép ngay cả khi họ không còn làm việc tại trường. Ngoài ra, cần khẳng định rõ trong Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, nguyên tắc rằng, trí tuệ nhân tạo (AI) không thể là chủ thể quyền tác giả. Trong trường hợp sử dụng AI để hỗ trợ tạo lập học liệu hoặc nghiên cứu, phải ghi nhận rõ tỷ lệ đóng góp của AI, kèm theo báo cáo kỹ thuật hoặc xác minh khách quan bằng công nghệ truy vết, như blockchain hoặc chữ ký số. Trách nhiệm xác minh nên giao cho đơn vị pháp chế hoặc hội đồng chuyên môn của nhà trường, nhằm bảo đảm tính minh bạch trong xác lập quyền sở hữu trí tuệ, cũng như góp phần ngăn ngừa rủi ro pháp lý trong quá trình lưu hành và khai thác học liệu số.

Hai là, cần xây dựng cơ chế quản lý học liệu số linh hoạt để vừa bảo vệ quyền tác giả, vừa tạo điều kiện cho nhà trường và thư viện số khai thác tài liệu hợp pháp

Mô hình giấy phép mở, như Creative Commons (CC), là một hướng đi phù hợp, cho phép giảng viên tự quyết định mức độ chia sẻ học liệu (từ chia sẻ phi thương mại, chỉ đọc, đến quyền sửa đổi có điều kiện⁽¹⁸⁾), nhằm bảo đảm quyền kiểm soát của giảng viên, đồng thời thúc đẩy lưu thông tri thức trong môi trường giáo dục số.

Để thực hiện mô hình trên, cần có văn bản pháp lý chính thức. Đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì ban hành thông tư

hướng dẫn sử dụng học liệu số trong các cơ sở giáo dục đại học, trong đó quy định rõ quy trình đăng ký quyền sử dụng nội bộ, cách tích hợp giấy phép mở vào hệ thống quản lý học tập nội bộ (LMS) và thiết lập ngưỡng sao chép hợp lý (chẳng hạn, không vượt quá 10% tổng nội dung, một chương hoặc không quá 300 từ với tài liệu ngắn). Thông tư cũng cần hướng dẫn xử lý học liệu có yếu tố AI để bảo đảm minh bạch về quyền tác giả. Bên cạnh đó, để tạo sự thống nhất giữa các luật chuyên ngành, cần sửa đổi Điều 32 của Luật Thư viện năm 2019 để làm rõ giới hạn pháp lý khi số hóa tài liệu có bản quyền. Hiện luật chỉ mới khuyến khích thư viện số mà thiếu quy định cụ thể, dễ dẫn đến tâm lý e ngại hoặc lúng túng, không đồng bộ khi triển khai giữa các trường. Ngoài ra, các cơ sở giáo dục đại học cần ban hành quy chế nội bộ về sử dụng, lưu trữ và chia sẻ học liệu số, gắn với cơ chế kiểm soát và xử lý vi phạm bản quyền nếu có.

Ba là, cần có chính sách thúc đẩy truy cập mở đối với dữ liệu nghiên cứu khoa học

Hiện nay, nhiều nghiên cứu quan trọng được thực hiện bằng ngân sách nhà nước, nhưng lại bị hạn chế truy cập do các quy định về quyền sở hữu trí tuệ hoặc cơ chế thương mại hóa dữ liệu khoa học. Một số quốc gia đã yêu cầu các nghiên cứu nhận tài trợ công khai phải tuân thủ chính sách truy cập mở. Theo đó, dữ liệu nghiên cứu sau khi công bố phải được cung cấp miễn phí trên các nền tảng học thuật đáng tin cậy nhằm bảo đảm tri thức được phổ biến rộng rãi mà không vi phạm quyền tác giả⁽¹⁹⁾. Việt Nam có thể áp dụng chính sách tương tự bằng cách yêu cầu các nghiên cứu được tài trợ bởi ngân sách nhà nước phải có một phần dữ liệu được công khai trên nền tảng truy cập mở, trong khi vẫn bảo vệ quyền tác giả đối với những dữ liệu quan trọng có giá trị thương mại hoặc bảo mật. Để làm được điều đó, cần sửa đổi Điều 41 và

Điều 43 của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 theo hướng quy định rõ nghĩa vụ công bố kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước (trừ trường hợp thuộc diện an ninh, quốc phòng hoặc chưa công bố sáng chế); đồng thời, ban hành hợp đồng nghiên cứu mẫu quy định rõ quyền công bố, quyền sở hữu, điều kiện chuyển nhượng và cơ chế phân chia lợi ích, trong đó bảo đảm nguyên tắc: tác giả được hưởng tối thiểu 30% giá trị khai thác, tổ chức chủ trì ít nhất 20% và phần còn lại (không quá 40%) thuộc về Nhà nước. Bộ Khoa học và Công nghệ cần chủ trì ban hành thông tư hướng dẫn áp dụng hợp đồng này thống nhất, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả chi ngân sách nghiên cứu và thúc đẩy tiếp cận tri thức đại học.

Bốn là, cần áp dụng công nghệ để bảo vệ quyền tác giả và kiểm soát việc khai thác tài liệu trong môi trường số

Một trong những công nghệ hiệu quả nhất hiện nay là blockchain, giúp ghi lại lịch sử sở hữu và sử dụng tài liệu dưới dạng không thể thay đổi, bảo đảm giảng viên có thể theo dõi ai đã sử dụng học liệu của mình và trong phạm vi nào⁽²⁰⁾. Mỗi sản phẩm học thuật nên được lưu trữ nội bộ qua hệ thống học tập nội bộ (LMS), đồng thời tích hợp mã định danh DOI gắn qua blockchain nhằm xác lập quyền ưu tiên và hỗ trợ chứng minh khi có tranh chấp. Việc xác minh này cần do bộ phận pháp chế hoặc đơn vị chuyên trách sở hữu trí tuệ đảm nhiệm. Ngoài ra, hệ thống quản lý quyền kỹ thuật số (Digital Rights Management - DRM) cũng có thể giúp kiểm soát quyền truy cập, sao chép và chia sẻ tài liệu nghiên cứu, bài giảng một cách linh hoạt mà vẫn đảm bảo quyền tác giả. Việc áp dụng DRM vào hệ thống thư viện số và các nền tảng học tập trực tuyến sẽ giúp hạn chế tình trạng vi phạm bản quyền, đồng thời cung cấp cho giảng viên cơ chế giám sát và kiểm soát nội dung số một cách hiệu quả.

Bên cạnh đó, nhà trường cần tích hợp các công cụ cảnh báo đạo văn, như Turnitin AI, GPTZero, kết hợp với nhật ký truy vết và dữ liệu gốc để tăng độ tin cậy.

Năm là, để bảo đảm sự minh bạch và công bằng trong quản lý quyền sở hữu trí tuệ, cần có sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, trường đại học và thư viện số nhằm xây dựng một hệ sinh thái học thuật bền vững

Việc thiết lập một mạng lưới thư viện số quốc gia với các tiêu chuẩn chung về quyền truy cập, quyền sao chép và quyền sử dụng tài liệu sẽ giúp giảm thiểu tình trạng vi phạm bản quyền và tạo ra một cơ chế bảo vệ quyền tác giả hợp lý. Đồng thời, các cơ sở giáo dục nên chủ động ký kết biên bản ghi nhớ (MoU) với Cục Bản quyền tác giả, thanh tra sở văn hóa - thể thao và du lịch hoặc sở khoa học và công nghệ để phối hợp xử lý khi có tranh chấp học liệu. Bên cạnh đó, các trường đại học cũng cần chủ động ban hành quy định nội bộ rõ ràng về quyền sở hữu học liệu, tránh tình trạng áp dụng tùy tiện gây bất lợi cho giảng viên hoặc hạn chế quyền tiếp cận tri thức của sinh viên.

Tóm lại, cân bằng giữa quyền tác giả và quyền tiếp cận tri thức trong giáo dục đại học ở Việt Nam là một yêu cầu không thể trì hoãn khi giáo dục ngày càng gắn chặt với chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Các xung đột về quyền sở hữu học liệu, giới hạn trong khai thác thư viện số và rào cản truy cập dữ liệu nghiên cứu phản ánh một thực tế rằng hệ thống pháp lý hiện tại chưa đủ sức điều tiết hài hòa lợi ích giữa giảng viên, nhà trường và cộng đồng học thuật.

Giải pháp không nằm ở việc thiên lệch về một phía, mà ở việc xây dựng một hành lang pháp lý rõ ràng, thúc đẩy các mô hình cấp phép linh hoạt, đồng thời ứng dụng công nghệ để kiểm soát và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ một cách hiệu quả. Cần có sự đồng thuận giữa các chủ thể liên quan, từ cơ quan quản lý đến cơ sở giáo dục, để

thiết lập cơ chế chia sẻ tri thức minh bạch và bền vững. Chỉ khi quyền sáng tạo được tôn trọng đúng mức và tri thức được chia sẻ một cách hợp pháp, môi trường học thuật mới thực sự phát huy được giá trị trong công cuộc đổi mới giáo dục và phát triển khoa học tại Việt Nam □

(1) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị “về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”

(2), (3), (5), (7) và (8) Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019 và 2022)

(4), (13) và (17) Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013

(6) Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan”

(9) Luật Thư viện năm 2019

(10) Luật Công nghệ thông tin năm 2006

(11) và (16) Luật Giao dịch điện tử năm 2023

(12), (14) và (15) Luật Tiếp cận thông tin năm 2016

(18) Creative Commons, *About the licenses*, <https://creativecommons.org/licenses/>

(19) Piwowar Heather, Priem Jason, Larivière Vincent, Alperin Juan Pablo, Matthias Lisa, Norlander Brooke, Haustein Stefanie, *The state of OA: A large-scale analysis of the prevalence and impact of open access articles*, PeerJ, <https://doi.org/10.7717/peerj.4375>, 2018

(20) John Smith, Blockchain and digital rights management in academic publishing. *Journal of Intellectual Property and Information Technology*, 25 (2), 2020, tr.117-135